

ẢNH HƯỞNG CỦA TIẾNG PHÁP ĐỐI VỚI THUẬT NGỮ QUÂN SỰ TIẾNG NGA: GÓC NHÌN LỊCH SỬ VÀ NGÔN NGỮ HỌC

LÊ ANH VĂN*

*Học viện Khoa học Quân sự, ✉ leanhvan88@gmail.com

Ngày nhận bài: 14/10/2024; ngày sửa chữa: 08/11/2024; ngày duyệt đăng: 15/12/2024

TÓM TẮT

Bài viết nghiên cứu ảnh hưởng của tiếng Pháp đối với thuật ngữ quân sự tiếng Nga dưới góc nhìn lịch sử và ngôn ngữ học. Bài viết tập trung phân tích quá trình du nhập và biến đổi các thuật ngữ quân sự từ tiếng Pháp sang tiếng Nga trong ba giai đoạn lịch sử: thời kỳ Peter Đại đế (1672-1725), Catherine Đại đế (1729-1796) và thời kỳ diễn ra các cuộc chiến tranh Napoleon (1803-1815). Qua các phương pháp tổng hợp, phân tích và so sánh, kết quả nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ vai trò của tiếng Pháp trong quá trình phát triển và hoàn thiện của hệ thống thuật ngữ quân sự tiếng Nga, đồng thời phản ánh sự giao thoa văn hóa và ngôn ngữ giữa hai quốc gia.

Từ khoá: thuật ngữ quân sự, tiếng Nga, tiếng Pháp, lịch sử, ngôn ngữ học

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự giao thoa và tiếp biến văn hóa đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển ngôn ngữ, trong việc hình thành hệ thống từ vựng chuyên ngành, đặc biệt là thuật ngữ quân sự. Lịch sử hình thành và phát triển của thuật ngữ quân sự tiếng Nga cùng với những ảnh hưởng từ tiếng Pháp đã để lại dấu ấn sâu sắc, đặc biệt trong giai đoạn cận đại. Việc tiếp thu từ vựng quân sự từ tiếng Pháp vào tiếng Nga không chỉ phản ánh sự thay đổi trong chiến lược và kỹ thuật quân sự, mà còn thể hiện sự ảnh hưởng sâu rộng của văn hóa Pháp đối với tầng lớp thượng lưu và giới lãnh đạo quân sự Nga.

Từ lâu tiếng Pháp đã được xem là ngôn ngữ của văn hóa, nghệ thuật và khoa học trong giới

quý tộc châu Âu. Dưới các triều đại Sa hoàng, đặc biệt từ thời kỳ Peter Đại đế và Catherine Đại đế, ngôn ngữ này được sử dụng phổ biến trong giao tiếp hàng ngày và trong các tài liệu, văn bản chính thức. Sức ảnh hưởng của tiếng Pháp càng trở nên rõ ràng trong bối cảnh hiện đại hóa quân đội Nga, khi các chuyên gia và sĩ quan quân sự Pháp được mời đến để hỗ trợ việc cải tiến kỹ thuật quân sự và đổi mới chiến thuật quân sự theo khuynh hướng Tây phương.

Trong bài viết này, tác giả tiến hành phân tích ảnh hưởng của tiếng Pháp đối với thuật ngữ quân sự tiếng Nga từ góc độ lịch sử và ngôn ngữ học, qua đó, cung cấp cho độc giả cái nhìn sâu sắc về sự tương tác giữa hai ngôn ngữ, đồng thời, làm rõ thêm quá trình phát triển của quân đội Nga qua các giai đoạn lịch sử khác nhau.

2. ẢNH HƯỞNG CỦA TIẾNG PHÁP ĐỐI VỚI THUẬT NGỮ QUÂN SỰ TIẾNG NGA

Sự ảnh hưởng của tiếng Pháp lên thuật ngữ quân sự tiếng Nga là một quá trình liên tục, kéo dài đến tận ngày nay. Tuy nhiên, thời kỳ Peter Đại đế (1672-1725), thời kỳ Catherine Đại đế (1729-1796) và thời kỳ các cuộc chiến tranh Napoleon (1803-1815) là ba giai đoạn mang tính bước ngoặt, khi sự tương tác giữa hai quốc gia diễn ra mạnh mẽ nhất, dẫn đến sự tiếp thu và phát triển vượt bậc của hệ thống thuật ngữ quân sự tiếng Nga. Những khái niệm, thuật ngữ quân sự tiếng Pháp du nhập vào tiếng Nga trong các giai đoạn này không chỉ làm phong phú thêm hệ thống từ vựng của tiếng Nga nói chung, hệ thống thuật ngữ quân sự tiếng Nga nói riêng, mà còn phản ánh sự thay đổi trong chiến lược, nghệ thuật quân sự, sự cải tiến về trang bị, kỹ thuật quân sự, góp phần quan trọng vào quá trình hiện đại hóa quân đội Nga.

2.1. Thời kỳ Peter Đại đế (1672-1725)

2.1.1. Bối cảnh lịch sử

Thời kỳ trị vì của Peter Đại đế (1672-1725) là một giai đoạn quan trọng trong lịch sử Nga, đánh dấu những cải cách sâu rộng và quyết liệt nhằm đưa Nga trở thành một cường quốc châu Âu hiện đại. Trước khi Peter lên nắm quyền, nước Nga vẫn còn tương đối khép kín, tự cô lập và tụt hậu so với các quốc gia Tây Âu về nhiều mặt, đặc biệt là quân sự, công nghệ và tổ chức xã hội. Với tầm nhìn về một nước Nga hùng mạnh và văn minh, Peter Đại đế đã tiến hành nhiều cải cách trong lĩnh vực quân sự, kinh tế, văn hóa và chính trị, đặc biệt là xây dựng một quân đội hiện đại theo kiểu châu Âu (Вольтер, 2002).

Peter đã thực hiện một loạt chuyến công du đến châu Âu (1697-1698, được gọi là “The Grand Embassy”) để học hỏi những tiến bộ về khoa học, kỹ thuật và quân sự. Trong các quốc gia mà ông ghé thăm, Pháp nổi bật lên như một hình mẫu mạnh mẽ về quân sự. Đặc biệt dưới thời trị vì của vua Louis XIV, Pháp là một trong những cường

quốc quân sự hàng đầu châu Âu. Peter Đại đế đã thiết lập một hệ thống quân sự chuyên nghiệp với các binh chủng và quân đoàn được tổ chức theo mô hình Tây Âu. Ông cũng cho xây dựng các học viện quân sự và cơ sở đào tạo sĩ quan, đồng thời mời các giáo viên từ Pháp và các quốc gia Tây Âu khác đến giảng dạy (Вольтер, 2002).

2.1.2. Các thuật ngữ quân sự tiếng Pháp du nhập vào tiếng Nga

Robert K. Massie trong tác phẩm “Peter the Great: His Life and World”, đã viết về những cải cách toàn diện của Peter Đại đế, bao gồm cả việc hiện đại hóa quân đội dựa trên mô hình Pháp. Ông trích dẫn rằng, nhiều thuật ngữ quân sự mới đã được du nhập vào Nga từ tiếng Pháp khi Peter cải tổ lực lượng quân sự của mình: “армия” (armee), “батальон” (bataillon), “арсенал” (arsenal), “генерал” (général), “капитан” (capitaine), “лейтенант” (lieutenant), “артиллерия” (artillerie), “гренадер” (grenadier), “пикет” (piquet), “эскадрон” (escadron), “штаб” (état-major), “инженер” (ingénieur), “фургон” (fourgon), ...

* “Арсенал” (Kho vũ khí)

Thuật ngữ “арсенал” (arsenal) chính thức được ghi nhận trong tiếng Nga dưới thời Peter Đại đế (<https://gufo.me/dict/semenov/арсенал>). Theo *Le Grand Robert de la langue française (Từ điển tiếng Pháp Robert)*, “arsenal” dùng để chỉ một cơ sở quân sự có chức năng sản xuất, bảo trì và sửa chữa vũ khí, đạn dược và tàu chiến (Robert, 2001, tr. 642). Trong quá trình cải cách quân đội của Peter Đại đế, Nga đã học hỏi rất nhiều từ các nước châu Âu, đặc biệt là Pháp và Hà Lan trong việc xây dựng hệ thống quân đội và công nghiệp quân sự. Một trong những lĩnh vực quan trọng nhất mà Nga học hỏi chính là việc tổ chức các cơ sở quân sự lớn như “arsenal” để sản xuất và bảo trì vũ khí.

Thuật ngữ “arsenal” [arsənal] được phiên tự sang tiếng Nga thành “арсенал” [ars’ənal], trải qua quá trình Nga hoá không thay đổi nhiều về mặt

ngữ nghĩa. Thuật ngữ này tiếp tục được sử dụng để chỉ các kho vũ khí và các cơ sở công nghiệp quốc phòng: “арсенал вооружений” (kho vũ khí quân sự), “ядерный арсенал” (kho hạt nhân), ... Kho vũ khí “арсенал” đầu tiên xuất hiện ở Nga vào thế kỷ XVI. Cho đến cuối thế kỷ 19 các kho vũ khí (арсенал) được xây dựng ở nhiều thành phố lớn của Nga, bao gồm Moscow, Saint Petersburg, Tula..., để sản xuất và lưu trữ vũ khí phục vụ cho các chiến dịch quân sự và hải quân (<https://1564.slovaronline.com/778-arsenal>). Trong tiếng Nga hiện đại, “арсенал” đã mở rộng phạm vi sử dụng, không chỉ giới hạn trong ngữ cảnh quân sự mà còn được dùng để chỉ bất kỳ một kho lưu trữ nào của các sự vật, hiện tượng, cả cụ thể lẫn trừu tượng. Ví dụ: “арсенал знаний” (kho tri thức), “арсенал услуг” (kho ứng dụng). “арсенал обоев” (kho hình nền), ...

* “Генерал” (Tướng)

Trong tiếng Pháp, từ “général” có nguồn gốc từ tiếng Latinh (“generalis” – “tổng quát” hoặc “phổ quát”). Từ này đã phát triển thành một thuật ngữ quân sự vào khoảng thế kỷ XVI ở Pháp, dùng để chỉ sĩ quan cấp cao có quyền chỉ huy quân đội trong các chiến dịch lớn và mang các cấp bậc khác nhau, như *général de brigade* (chuẩn tướng) (Robert, 2001, tr. 215).

Trong tiếng Nga, thuật ngữ “генерал” đã được biết đến từ giữa thế kỷ XVII, lần đầu tiên xuất hiện trong “Книга о ратном строе” (Sách huấn luyện quân sự) xuất bản năm 1647. Vào những năm 50 của thế kỷ XVII, thuật ngữ này thường được viết dưới dạng “енерал”, ví dụ như trong các bức thư của Sa hoàng Alexei Mikhailovich (1658). Cách viết “генерал” được phiên tự từ “général” trong tiếng Pháp và được sử dụng phổ biến dưới thời Peter Đại đế: “генерал-адмирал” (tướng đô đốc), “генерал-адъютант” (tướng phụ tá), ... (<https://gufo.me/dict/semenov/генерал>). Thuật ngữ “général” [ʒeneʁal] khi du nhập vào tiếng Nga vẫn giữ nguyên nghĩa gốc, nhưng đã được Nga hóa trong cách phát âm và cách viết “генерал” [г’эн’эрал], trở thành một phần không thể thiếu trong hệ thống cấp bậc quân đội Nga. Hiện nay,

“генерал” trong tiếng Nga, tương tự với “general” trong tiếng Anh và “général” trong tiếng Pháp, dùng để chỉ cấp bậc sĩ quan cấp cao nhất trong quân đội: *Генерал-майор* – Major General – *Major-général* (Thiếu tướng), *Генерал-лейтенант* – Lieutenant General – *Lieutenant-général* (Trung tướng), *Генерал армии* – General of the Army – *Général d’armée* (Đại tướng), ...

2.2. Thời kỳ Catherine Đại đế (1729-1796)

2.2.1. Bối cảnh lịch sử

Thời kỳ trị vì của Catherine Đại đế (1729-1796) tiếp nối những cải cách sâu rộng của Peter Đại đế và đánh dấu một giai đoạn quan trọng khác trong việc mở rộng và hiện đại hóa đế quốc Nga. Catherine Đại đế (Yekaterina II) là một trong những vị nữ hoàng vĩ đại nhất trong lịch sử nước Nga, nổi tiếng với những cải cách lớn về chính trị và quân sự. Một trong những mục tiêu chính của Catherine là hiện đại hóa quân đội Nga để có thể cạnh tranh với các cường quốc Tây Âu. Bà tiếp tục công việc cải cách quân đội mà Peter Đại đế đã khởi xướng, nhưng mở rộng và hoàn thiện nó theo hướng hiện đại hơn. Bên cạnh đó, dưới thời Catherine, Nga có mối quan hệ ngoại giao và quân sự chặt chẽ với Pháp. Bà đã mời các chuyên gia, cố vấn quân sự Pháp sang Nga để hỗ trợ công tác đào tạo, huấn luyện binh lính, chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, đặc biệt là kiến thức về nghệ thuật quân sự (De Madariaga, 1990).

Catherine không chỉ phát triển quân đội và tổ chức nhà nước, mà còn đặc biệt quan tâm đến văn hóa, nghệ thuật và triết học châu Âu, với Pháp là trung tâm ảnh hưởng chính. Bà tự xem mình là người bảo trợ cho các phong trào khai sáng và chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các triết gia Pháp như Voltaire và Diderot. Dưới thời Catherine, Pháp là một trong những nguồn văn hóa và tri thức quan trọng của giới quý tộc và trí thức Nga. Tiếng Pháp được coi là ngôn ngữ của giới thượng lưu và học thuật; việc giao tiếp bằng tiếng Pháp trở thành một dấu hiệu của sự lịch thiệp và học thức ở thời kỳ này (De Madariaga, 1990).

2.2.2. Các thuật ngữ quân sự tiếng Pháp du nhập vào tiếng Nga

Trong cuốn sách “Catherine the Great: A Short History”, nhà nghiên cứu ngôn ngữ và lịch sử người Pháp Isabel de Madariaga ghi nhận rằng, tiếng Pháp đã trở thành ngôn ngữ chính thức của tầng lớp thượng lưu và quân đội dưới thời Catherine Đại đế. Đồng thời, de Madariaga cũng chỉ ra rằng, sự yêu thích của nữ hoàng Catherine đối với tiếng Pháp đã ảnh hưởng đến cách thức quản lý quân đội của bà, cũng như xu hướng vay mượn các thuật ngữ quân sự tiếng Pháp trong giai đoạn này (De Madariaga, 1990). Sự giao tiếp giữa các sĩ quan và binh lính Nga và các chuyên gia, cố vấn quân sự Pháp thường được diễn ra trực tiếp bằng tiếng Pháp. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho các thuật ngữ quân sự tiếng Pháp du nhập vào tiếng Nga một cách nhanh chóng: “*дивизия*” (*division*), “*корпус*” (*corps*), “*гарнизон*” (*garrison*), “*офицер*” (*officier*), “*гвардия*” (*garde*), “*маневр*” (*manoeuvre*), “*парад*” (*parade*), “*патруль*” (*patrouille*), “*кордон*” (*cordon*), “*редут*” (*redoute*), “*баррикада*” (*barricade*), “*авангард*” (*avant-garde*), ...

* “*Гарнизон*” (Đồn trú)

Trong từ điển tiếng Pháp, “*garrison*” chỉ đơn vị quân đội đóng quân trong một thành phố, pháo đài hoặc một vị trí chiến lược, với mục đích bảo vệ hoặc duy trì an ninh khu vực đó (Robert, 2001, tr. 2734). Từ này bắt đầu được sử dụng phổ biến ở Pháp vào thời Trung cổ, khi tổ chức quân sự trở nên phức tạp hơn và việc bảo vệ các pháo đài, thành phố đòi hỏi quân đội đồn trú thường trực.

Dưới triều đại của Catherine Đại đế, quân đội Nga đã trải qua một loạt cải cách quan trọng. Catherine đã áp dụng nhiều mô hình tổ chức quân sự của Pháp, trong đó có “*garrison*”, để phát triển hệ thống quân đội đồn trú – một phần không thể thiếu của hệ thống quân sự, góp phần bảo vệ đất nước trước các mối đe dọa từ bên ngoài.

Thuật ngữ “*garrison*” [gɑʁnizɔ̃] được phiên tự sang tiếng Nga là “*гарнизон*”. Về mặt ngữ

nghĩa, “*гарнизон*” [гaрн’изан] không chỉ giữ nguyên nghĩa gốc của nó như trong tiếng Pháp, mà còn mở rộng để áp dụng trong các bối cảnh quân sự hiện đại. Trong Từ điển từ nguyên học, Semenov đã chỉ ra các ý nghĩa sau của thuật ngữ “*гарнизон*”: 1) Các đơn vị, cơ quan quân đội đóng tại bất kỳ địa phương, khu vực nào; 2) Đơn vị quân đội bảo vệ một đối tượng cụ thể (<https://gufo.me/dict/semenov/гарнизон>). Hiện nay, thuật ngữ “*гарнизон*” vẫn đang được sử dụng phổ biến trong các tài liệu quân sự tiếng Nga và điều này phản ánh mối quan hệ quân sự chặt chẽ giữa Nga và Pháp trong thế kỷ XVIII, cũng như tầm quan trọng của cải cách quân đội thời Catherine Đại đế.

* “*Манёвры*” (Diễn tập)

Trong tiếng Pháp, “*manoeuvre*” được hiểu là sự thao tác hay điều khiển các đơn vị quân sự trong các hoạt động huấn luyện, hành quân, hoặc tác chiến. Thuật ngữ này cũng được dùng để chỉ những hoạt động chiến thuật được tiến hành bởi các lực lượng quân đội nhằm đạt được một mục tiêu nhất định trên chiến trường (Robert, 2001).

Như đã trình bày ở trên, trong giai đoạn trị vì của Catherine Đại đế, quân đội Nga đã trải qua các cuộc cải cách mạnh mẽ, đặc biệt là về nghệ thuật quân sự. Nhiều khái niệm về chiến thuật, chiến lược của quân đội châu Âu, chủ yếu là của quân đội Pháp đã được du nhập vào tiếng Nga. Thuật ngữ “*manoeuvre*” được du nhập vào Nga khi Catherine Đại đế tái cơ cấu và hiện đại hóa quân đội theo mô hình châu Âu, đặc biệt là Pháp. Các cuộc huấn luyện quân sự dưới hình thức diễn tập (*manoeuvre*) đóng vai trò quan trọng trong quá trình huấn luyện binh lính trước khi ra chiến trận. Quân đội Nga bắt đầu tổ chức các cuộc diễn tập lớn, mô phỏng tình huống thực tế trên chiến trường, tương tự như các cuộc diễn tập trong quân đội Pháp.

Thuật ngữ “*manoeuvre*” [mɑ̃œvʁ] được phiên tự sang tiếng Nga thành “*манёвры*” [mɑn’œvry]. Trong tiếng Nga, thuật ngữ này mang ý nghĩa giống như trong tiếng Pháp, chỉ các hoạt động diễn tập quân sự nhằm huấn luyện, rèn luyện kỹ năng tác chiến và tổ chức quân đội trong các tình huống

chiến tranh. “Манёвры” đã trở thành thuật ngữ quan trọng trong hệ thống quân sự của Nga. Trải qua quá trình Nga hoá, trường nghĩa của thuật ngữ này còn được mở rộng để chỉ những chiến thuật phức tạp trong các chiến dịch quân sự. Trong tiếng Nga hiện đại, thuật ngữ “манёвры” mang những ý nghĩa sau: 1) Ở dạng số ít “манёвр” chỉ sự cơ động lực lượng trên chiến trường nhằm mục đích tấn công kẻ thù, hoặc vu hồi để bao vây kẻ thù; 2) Ở dạng số nhiều “манёвры” chỉ các cuộc tập trận quân sự ở quy mô chiến lược-hoạt động trong tình huống tiếp cận chiến đấu (Плехов, 1988).

2.3. Thời kỳ các cuộc chiến tranh Napoleon (1803-1815)

2.3.1. Bối cảnh lịch sử

Các cuộc chiến tranh Napoleon (1803-1815) là một loạt các cuộc xung đột quân sự lớn diễn ra trên khắp châu Âu giữa Đế chế Pháp dưới sự lãnh đạo của Napoleon Bonaparte và nhiều liên minh chống Pháp bao gồm Vương quốc Anh, Đế quốc Áo, Phổ, và đặc biệt là Đế quốc Nga. Các cuộc chiến này là một phần trong nỗ lực của Napoleon nhằm mở rộng ảnh hưởng của Đế chế Pháp và áp đặt quyền bá chủ của Pháp lên toàn bộ châu Âu. Trong bối cảnh đó, Đế quốc Nga dưới thời Alexander I (1801-1825), với tư cách là thành viên của liên minh chống Pháp đã tham gia vào nhiều trận chiến quan trọng như: trận Austerlitz (1805), Eylau (1807), Borodino (1812), Leipzig (1813) và cuối cùng là trận Waterloo (1815) dẫn đến sự sụp đổ của Napoleon và định hình lại châu Âu trong thời kỳ hậu Napoleon (Charles, 2007).

Các cuộc chiến tranh Napoleon không chỉ là sự xung đột về quân sự mà còn là một quá trình tương tác văn hóa và ngôn ngữ giữa Nga và Pháp. Napoleon đã xây dựng một hệ thống tổ chức quân đội và chiến thuật tiên tiến mà các nước châu Âu, bao gồm cả Nga, buộc phải học hỏi. Nga nhận ra rằng, để đánh bại một đối thủ có tổ chức và chiến lược tiên tiến như quân đội Napoleon, họ cần phải hiện đại hóa và cải tiến hệ thống quân sự của mình. Điều này bao gồm việc tiếp thu các chiến thuật

mới và hệ thống tổ chức quân đội từ Pháp. Bên cạnh đó, sự giao chiến liên tục giữa Nga và Pháp trong thời kỳ chiến tranh Napoleon đã tạo ra một môi trường mà sự ảnh hưởng ngôn ngữ là không thể tránh khỏi. Khi đối đầu với quân đội Napoleon, các sĩ quan Nga đã phải nghiên cứu nhiều tài liệu để hiểu rõ các chiến thuật của Pháp. Trong quá trình đó, việc vay mượn các thuật ngữ quân sự của tiếng Pháp là không thể tránh khỏi (Charles, 2007).

Ngoài ra, tiếng Pháp vào đầu thế kỷ XIX không chỉ là ngôn ngữ của ngoại giao và văn hóa mà còn là ngôn ngữ quân sự quốc tế. Trong *Napoleon's Wars: An International History*, Charles Esdail khẳng định, tiếng Pháp đã trở thành ngôn ngữ quân sự chính thức trong nhiều cuộc họp của các quốc gia liên minh chống lại Napoleon, và điều này góp phần phổ biến các thuật ngữ quân sự tiếng Pháp sang nhiều quốc gia khác nhau, bao gồm Nga (Charles, 2007).

2.3.2. Các thuật ngữ quân sự tiếng Pháp du nhập vào tiếng Nga

Sự giao thoa văn hóa và quân sự giữa Nga và Pháp trong các cuộc chiến tranh này không chỉ diễn ra thông qua các trận đánh mà còn qua sự trao đổi chiến thuật, tổ chức quân đội và khái niệm chiến tranh mới mà Napoleon mang đến: “батальон” (*bataillon*), “кавалерия” (*cavalerie*), артиллерия (*artillerie*), “патрон” (*patron*), “шарф” (*charpe*), “мари” (*marche*), “картечь” (*cartouche*), “атаковать**” (*attaquer*), “санёр” (*sapeur*), “партизан” (*partisan*), “штык” (*baïonnette*), “мушкет” (*mousquet*), “сабля” (*sabre*), ...

* “Кавалерия” (Đội kỵ binh)

Từ “cavalerie” có nguồn gốc từ gốc Latinh (“caballus” – “ngựa”), xuất hiện trong tiếng Pháp từ thời Trung cổ và được sử dụng để chỉ lực lượng kỵ binh, tức là các đơn vị chiến đấu trên lưng ngựa. Theo từ điển *Le Grand Robert de la langue française*, thuật ngữ “cavalerie” được định nghĩa là: đội quân kỵ binh có nhiệm vụ di chuyển nhanh chóng trên chiến trường, tấn công kẻ thù và quấy rối hai bên sườn hoặc tuyền sau (Robert, 2001, tr. 182).

Trong thời kỳ các cuộc chiến tranh Napoleon, thông qua các cuộc chiến và giao lưu quân sự giữa Pháp và Nga, quân đội Nga đã học hỏi nhiều từ các chiến thuật và cơ cấu tổ chức quân đội của Pháp, đặc biệt là trong lĩnh vực kỵ binh, vì kỵ binh đóng vai trò quan trọng trong các trận đột kích. Thuật ngữ “cavalerie” [kavalɛʁi] được phiên tự sang tiếng Nga thành “кавалерия”. Về ngữ nghĩa, “кавалерия” chỉ các đơn vị kỵ binh tương tự như trong quân đội Pháp. Sau chiến tranh Napoleon, thuật ngữ “кавалерия” đã chính thức được chấp nhận trong các văn bản quân sự Nga và trở thành một phần của ngôn ngữ quân sự Nga. Về sau, “кавалерия” [кавал’эрија] không chỉ được sử dụng trong các tài liệu quân sự mà còn phổ biến trong văn hóa và văn học Nga để phản ánh sự tương tác và ảnh hưởng của quân đội Pháp đối với quân đội Nga trong thời kỳ này.

* “Патрон” (Viên đạn)

Trong tiếng Pháp, từ “patron” có nguồn gốc từ tiếng Latinh (“patronus” – “người bảo trợ” hoặc “người bảo vệ”). Tuy nhiên, trong ngữ cảnh quân sự, “patron” được sử dụng để chỉ các vỏ đạn, thường dùng cho các vũ khí cầm tay như súng hỏa mai (Académie Française, 1992). Thuật ngữ này đặc biệt phổ biến trong quân đội Pháp vào cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX, thời kỳ của những cải tiến trong công nghệ vũ khí và đạn dược.

Trong giai đoạn các cuộc chiến tranh Napoleon (1803-1815), nhiều thuật ngữ quân sự của Pháp đã du nhập vào tiếng Nga, và “патрон” (patron) là một trong số đó. Thời kỳ này, quân đội Nga chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ các chiến thuật và công nghệ của Pháp, đặc biệt là về trang bị vũ khí và cách tổ chức lực lượng. Quá trình du nhập của từ “patron” vào tiếng Nga có thể được lý giải như sau: Quân đội các nước châu Âu, bao gồm Nga, học hỏi và áp dụng các kỹ thuật tiên tiến của Pháp trong việc chế tạo đạn dược, đặc biệt là việc sản xuất vỏ đạn súng hỏa mai. Điều này dẫn đến việc Nga vay mượn thuật ngữ “patron” để mô tả loại đạn có vỏ được chế tạo theo tiêu chuẩn mới.

Thuật ngữ “patron” [patʁɔ̃] của tiếng Pháp được phiên tự sang tiếng Nga thành “патрон” [патрон]. Sau khi du nhập vào tiếng Nga, thuật ngữ “патрон” nhanh chóng được phổ biến trong quân đội Nga để chỉ viên đạn hoặc vỏ đạn dùng cho các loại vũ khí cầm tay. Từ này trở thành một phần của hệ thống thuật ngữ quân sự Nga và đã được đồng hóa hoàn toàn. Theo Từ điển thuật ngữ quân sự của Plekhov, “патрон” được định nghĩa là “một loại vỏ đạn đã được nạp sẵn, chứa thuốc súng, được sử dụng cho vũ khí cầm tay” (Плехов, 1988). Sau thời kỳ Napoleon, thuật ngữ “патрон” vẫn tiếp tục được sử dụng trong tiếng Nga để chỉ các loại đạn dược và trở thành một phần quan trọng của ngôn ngữ quân sự Nga, không chỉ trong các văn bản kỹ thuật mà còn trong thực tiễn quân sự hàng ngày. Sự đồng hóa của thuật ngữ này phản ánh sự tiếp thu của quân đội Nga đối với những tiến bộ trong công nghệ vũ khí và chiến thuật quân sự từ quân đội Pháp.

Có thể thấy, trong giai đoạn chiến tranh Napoleon (1803-1815), sự ảnh hưởng mạnh mẽ của tiếng Pháp đã góp phần quan trọng vào việc hiện đại hóa ngôn ngữ quân sự Nga, tạo nền tảng cho việc phát triển hệ thống thuật ngữ phong phú và chuẩn hóa hơn cho quân đội Nga trong các giai đoạn sau này.

3. KẾT LUẬN

Tiếng Pháp đã đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành thuật ngữ quân sự tiếng Nga, đặc biệt trong các giai đoạn lịch sử nổi bật: thời kỳ Peter Đại đế (1672-1725), Catherine Đại đế (1729-1796) và thời kỳ các cuộc chiến tranh Napoleon (1803-1815). Dưới thời Peter Đại đế, tiếng Pháp được đưa vào làm ngôn ngữ chính trong các hoạt động quân sự và hành chính. Các thuật ngữ quân sự Pháp được tiếp nhận rộng rãi, giúp quân đội Nga học hỏi và áp dụng những chiến lược và kỹ thuật quân sự tiên tiến của Pháp. Đến thời kỳ Catherine Đại đế, tiếng Pháp tiếp tục khẳng định vị thế của mình trong xã hội Nga. Catherine không chỉ học hỏi từ phương Tây mà còn thúc đẩy việc sử dụng tiếng Pháp trong giới tinh hoa quân sự. Tiếp đến, trong bối cảnh các cuộc chiến tranh Napoleon,

thuật ngữ quân sự, chủ yếu là thuật ngữ chiến thuật, chiến lược và vũ khí trang bị tiếng Pháp đã được du nhập vào tiếng Nga. Các thuật ngữ quân sự tiếng Pháp du nhập vào tiếng Nga trong ba giai đoạn này chủ yếu thông qua phương thức phiên tự, trải qua quá trình Nga hoá, dần trở thành một phần quan trọng của hệ thống thuật ngữ quân sự tiếng Nga. Từ góc độ ngôn ngữ học, quá trình vay mượn này cho thấy sự giao thoa giữa các nền văn hóa và ngôn ngữ. Sự tác động của tiếng Pháp đối với thuật ngữ quân sự tiếng Nga không chỉ mang tính lịch sử mà còn góp phần làm phong phú thêm kho tàng ngôn ngữ và văn hóa quân sự của quốc gia này./.

Tài liệu tham khảo:

Tiếng Anh

- Charles, J. E. (2007). *Napoleon's Wars: An International History, 1803-1815*. London: Penguin Books.
- De Madariaga, I. (1990). *Catherine the Great: A Short History*. New Haven: Yale University Press.

Tiếng Nga

- Вольтер. (2002). *История Российской империи при Петре Великом*. Санкт-Петербург: Нестор-История.
- Семёнова, А. В. (2003). *Этимологический словарь русского языка*. Москва: ЮНБЕС.
- Плехов, А. М. (1988). *Словарь военных терминов*. Москва: Воениздат.

Tiếng Pháp

- Académie Française (1992). *Le Dictionnaire de l'Académie Française*. Paris: Gallimard.
- Robert, P. (2001). *Grand Robert de la langue française: dictionnaire alphabétique et analogique de la langue française*. Paris: Le Robert

Web page

- Военный энциклопедический словарь онлайн. Retrieved from www.1564.slovaronline.com
- Этимологический словарь русского языка онлайн. Retrieved from www.gufo.me/dict/

INFLUENCES OF THE FRENCH LANGUAGE ON RUSSIAN MILITARY TERMINOLOGY: HISTORICAL AND LINGUISTIC PERSPECTIVES

LE ANH VAN

Abstract: This article focuses on the analysis of the influences of the French language on Russian military terminology in three main historical periods: Peter the Great (1672-1725), Catherine the Great (1729-1796), and the Napoleonic Wars (1803-1815). From a historical and linguistic perspective, the study sheds light on the process of introduction and transformation of French military terminology into the Russian language. The article also points out the role of the French language in the modernization and development of the Russian military system, reflecting the cultural and linguistic exchange between the two countries.

Keywords: *military terminology, Russian language, French language, history, linguistics*

Received: 14/10/2024; Revised: 08/11/2024; Accepted: 15/12/2024